

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Liêu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Xuân Tiến.

Bà Mai Thị Thanh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy, thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N (tên gọi khác bà Năm) sinh năm 1952 tại huyện C, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Phú Quang, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Già yếu; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Nhung và bà Hà Thị L (đều đã chết); bị cáo không có chồng, con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Phượng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt

- Bị hại: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Phú Quang, xã IaHrú, huyện C, tỉnh G. Có mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 28B, Nguyễn Xí, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh G.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Mỹ Phước 3, phường Thới Hoà, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/12/1976 bà Hà Thị L cùng chồng và các con góp tiền mua 01 thửa đất tại thôn Phú Quang, xã Ia Hnú, huyện C và sau đó cả gia đình làm nhà, sinh sống trên thửa đất này. Năm 1990 ông Nguyễn Văn S (con trai của bà L) sống chung với bà Lê Thị H (SN 1966) như vợ chồng và có với nhau hai người con chung gồm Nguyễn Thị Thu H (SN 1991), Nguyễn Văn H (SN 1994) nhưng không có đăng ký kết hôn và cùng nhau chung sống trên thửa đất này. Các con của bà L lần lượt lập gia đình và ra ở riêng, chỉ còn vợ chồng ông S ở lại cùng với bố mẹ. Vào năm 2000, trước khi mất bà L có để lại di chúc đối với thửa đất trên là để làm nhà thờ phụng, không được sang nhượng hay cầm cố. Đến năm năm 2001 ông S đi làm thủ tục đứng tên và được UBND huyện Chư Sê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3.531m² cho Hộ ông Nguyễn Văn S đối với diện tích trên theo quy định. Năm 1994 và năm 2002 cha, mẹ ông S lần lượt qua đời nên chỉ còn vợ chồng ông S sống trên thửa đất này. Năm 2008 ông S và bà H đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Hnú, tiếp đó đến năm 2009 ông S và bà H được TAND huyện Chư Sê ra quyết định Công nhận thuận tình ly hôn nhưng không giải quyết phân tài sản chung; tuy nhiên tại biên bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 20/10/2009 giữa ông S và bà H thể hiện ông S chia cho hai người con mảnh đất có chiều rộng 09 mét, chiều dài 98 mét tổng diện tích là 882 m² (trong đó có 50 m² đất ở) trong diện tích 3531m², phần còn lại thuộc về ông S. Đến năm 2011 ông S chết do bệnh lý, bà H và các con tiếp tục sinh sống, canh tác trên diện tích đất trên. Sau đó các con bà H lập gia đình và ra ngoài ở riêng, chỉ còn một mình bà H sống trên mảnh đất này. Vào đầu năm 2019, bà H cùng các con đầu tư để trồng và chăm sóc 250 cây cà phê trên diện tích đất trên. Lúc này bà Nguyễn Thị N là con gái của bà Hà Thị L (em gái của ông S) vì bức tức cho rằng mảnh đất trên là tài sản của cha, mẹ để lại cho các anh, em của bà nên vào khoảng 06 giờ ngày 09/7/2020, bà N cầm 01 con dao dài 34,2cm (lưỡi bằng kim loại dài 22cm, cán bằng gỗ) đi bộ ra vườn cà phê mới trồng của bà H nhằm mục đích chặt phá cây cà phê, khi sang đến vườn cà phê của bà H, bà N sử dụng tay phải cầm con dao chặt phá 24 cây cà phê rồi đi về nhà mình tại thôn Phú Quang, xã Ia Hnú (cạnh nhà bà H). Tiếp đó khoảng 06 giờ sáng ngày hôm sau tức ngày 10/7/2020, bà N tiếp tục một mình cầm con dao trên sang vườn cà phê của bà H chặt phá thêm 20 cây cà phê nữa, sau khi chặt xong bà N về lại nhà của mình. Sau đó bà H sang nhà bà N hỏi lý do chặt phá cà phê của bà thì bà N trả lời là “đất của ba mẹ tôi để lại thì tôi chặt”.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị thực tế của 44 Cây cà phê trồng năm 2019 là **4.400.000 đồng** (100.000 đồng/cây).

Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con dao dài 34,2cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, cán dao chỗ rộng nhất 3,9 cm, cán dao bằng gỗ dài 12,2cm, mà bị cáo Nguyễn Thị N sử dụng để làm công cụ phạm tội, nên đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C quản lý để xử lý theo vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị N bồi thường số tiền 4.400.000đ. Tuy nhiên, đến nay bị cáo N vẫn chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nay Nam về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h,p,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ tháng đến tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: 01 con dao dài 34,2cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, cán dao chỗ rộng nhất 3,9 cm, cán dao bằng gỗ dài 12,2cm là công cụ phạm tội không có giá trị. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường cho bà Lê Thị H theo quy định pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối lỗi về việc làm vi phạm pháp luật của mình; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do có mâu thuẫn với bà Lê Thị H về việc bà H cùng các con sinh sống và trồng cây cà phê trên mảnh đất mà bố mẹ mình để lại. Vào ngày 09/7/2020 bị cáo Nguyễn Thị N đã dùng 01 con dao đi sang vườn nhà bà Lê Thị H nhằm mục đích chặt phá số cây cà phê, bị cáo đã chặt được 24 cây cà phê, trị giá 2.400.000 đồng. Sáng ngày 10/7/2020, bị cáo tiếp tục cầm dao trên đi sang vườn của nhà bà H chặt thêm 20 cây cà phê, trị giá 2.000.000 đồng. Tổng số cây cà phê bị chặt phá là 44 cây, trị giá là 4.400.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G đã truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây dư luận xấu trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và là người khuyết tật nặng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,p,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo N đã thực hiện 02 lần hành vi “*Hủy hoại tài sản*”. Do vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 con dao dài 34,2cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, cán dao chỗ rộng nhất 3,9 cm, cán dao bằng gỗ dài 12,2cm là công cụ phạm tội không có giá trị. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị My bồi thường số tiền 4.400.000 đồng. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 4.400.000 đồng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo già yếu nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Bà Năm) phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm h, p, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Bà Năm): tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: miễn xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 4.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử: tịch thu, tiêu hủy 01 con dao; Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Những người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Tiến Mai Thị Thanh Hằng

Hồ Hoàng Liêu

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh G;
- VKS huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi Cục THS DS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Liêu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhung Nguyễn Viết Thuận

Hồ Hoàng Liêu

Nguyễn Văn Anh Mai Thị Thanh Hằng

Hồ Hoàng Liêu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Tiến Phạm Văn Nhung

Hồ Hoàng Liêu